Đưc sTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 4 – 2025
V/v trAh chấp ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "TrAh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ah Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Tân A, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị PhA Ngọc D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Tân A, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của Ah Th trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Ah Th và chị D chung sống vào tháng 12 năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quA điểm, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ah Th xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị D nên yêu cầu được ly hôn.

Ah Th xác định quá trình chung sống Ah và chị D có 02 con chung gồm: Nguyễn Minh Lượng, sinh ngày 01/01/1999 và Nguyễn ThAh Vạn, sinh ngày 18/02/2007, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị PhA Ngọc D trình bày:* Chị đồng ý ly hôn với Ah Th, về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết, về tài sản chung và nợ chị D xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ah Nguyễn Văn Th và chị PhA Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ah Th và chị D là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Ah Th và chị D tự nguyện chung sống năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa Ah Th và chị D không được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đó Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Ah chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quA hệ vợ chồng giữa Ah chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung của Ah Th và chị D đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Ah Th và chị D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Ah Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quA hệ vợ chồng giữa Ah Nguyễn Văn Th với chị PhA Ngọc D.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ah Nguyễn Văn Th phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002949 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (Ah Th đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai